



Lineage

16/11/2022

## BIÊN BẢN NHẬN HÀNG PO-135892

Khách hàng: VIN-919 VINCOMMERCE - VINMART CROSS DOCKING

Nhà cung cấp: 2003606 NGOC THOM-C

Nhiệt độ yêu cầu:

Giờ xe đến:

Loại hàng: HÀNG MÁT

Số xe: 59V2-53509

Giờ nhận hàng:

Loại xe giao hàng:

Nhiệt độ trong xe ngay khi mở cửa xe:

°C

Nhiệt độ kiện hàng ngẫu nhiên:

°C

Nếu nhiệt độ kiện hàng không đạt yêu cầu thì SCS chỉ nhận hàng, nhà cung cấp hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu hư hỏng xảy ra trong quá trình vận chuyển:

Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐Tình trạng kiện hàng: Thùng rách ☐ Hư hỏng ☐ Mùi hôi ☐ Bẩn ☐ Móp méo ☐ Ướt, chảy nước ☐

| Mã hàng      | Tên hàng          | Mã kho | Tên kho           | Số SO      | Nhận hàng thực tế |        |       |         |         | Ghi chú |
|--------------|-------------------|--------|-------------------|------------|-------------------|--------|-------|---------|---------|---------|
|              |                   |        |                   |            | Net(kgs)          | Gross  | Thùng | Khay2.5 | Khay1.6 |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 6609   | BÌNH PHƯỚC- 195   | 4144232547 | 15.0              | 15.0   | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 6531   | ĐỒNG NAI-21 KHỔ   | 4144161261 | 6.0               | 6.0    | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 6504   | ĐỒNG NAI-4/2 Ấp C | 4144161259 | 6.0               | 6.0    | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 6475   | BÌNH DƯƠNG-33 đ   | 4144271825 | 20.0              | 20.0   | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 6358   | VĨNH LONG- 46C ĐI | 4144224004 | 3.0               | 3.0    | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 6303   | ĐỒNG NAI- 868 SỔ  | 4144161192 | 5.0               | 5.0    | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 5017   | ĐỒNG THÁP- 98 LÊ  | 4144228543 | 3.0               | 3.0    | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 4921   | VĨNH LONG-27A LÊ  | 4144224302 | 4.0               | 4.0    | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 4787   | VĨNH LONG- 01 MẠ  | 4144232707 | 18.0              | 18.0   | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 4733   | ĐỒNG THÁP-106-1   | 4144226276 | 5.0               | 5.0    | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 4485   | BÌNH DƯƠNG- C 2/  | 4144252099 | 7.5               | 7.5    | 1     |         |         |         |
| 22           | CROSS DOCKING - C | 4318   | BÌNH DƯƠNG- TH    | 4144223870 | 9.0               | 9.0    | 1     |         |         |         |
| TOTAL:       |                   |        |                   |            | 101.50            | 101.50 | 12    |         |         |         |
| GRAND TOTAL: |                   |        |                   |            | 101.50            | 101.50 | 12    |         |         |         |

SCSVN

Lưu ý: Từ ngày 14/12/2016, nhà cung cấp phải niêm phong thùng hàng khi gửi tới kho lạnh Swire

Nhà cung cấp/ NVC

(Kí, ghi rõ họ tên và số điện thoại)  
Tất cả các thùng hàng đã được kiểm tra niêm phong

Nguyễn Thị Hiền

emergentcold  
CÔNG TY TNHH EMERGENT COLD VIỆT NAM  
Số 18, Đường số 6, KCN Sóng Thần 1  
P. Dĩ An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam  
Tel: 0274 3737690  
Email: songthan.ops45@lineagelogistics.com

DANK

# Đơn đặt hàng / Purchase Order

Được phê duyệt bởi: Tổng Thị Loan



|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Thông tin xuất hóa đơn (Billing Information)</b><br>CHI NHÁNH ĐỒNG NAI - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI<br>TỔNG HỢP WINCOMMERCE<br>Trung tâm thương mại Vincom Biên Hòa - Đồng Nai, 1096 Phạm Văn<br>Thuận, KP2, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt<br>Nam<br>MST: 0104916404-023<br><b>Địa chỉ giao hàng (Delivery Address)</b><br>6303-WM+ DNI 868 Sông Thao<br>868 Sông Thao, X. Bàu Hàm, H. Trảng Bom, T. Đồng Nai Việt Nam<br>2471066866-63031 | <b>Thông tin đơn hàng (Information)</b><br>Số đơn hàng (PO No.) 4144161192<br>Ngày đặt hàng (PO date) 09.11.2022<br>Nhóm đặt hàng (Purchaser) 002 - Giao hàng qua DC<br>Người đặt hàng (Purchaser) Tổng Thị Loan<br>Số điện thoại<br>Email loantt@winmart.masangroup.com<br>Ngày giao (Delivery Date) 17.11.2022<br>Ghi chú |
| <b>Nhà cung cấp (Supplier): 0002003606</b><br>CTY TNHH MTV TMDV NGỌC THƠM<br>12/14/18 đường 49, Khu phố 7, phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| Stt<br>(No.)                                           | Tên hàng<br>(Item Description)            | Mã vạch<br>(Barcode) | Số lượng<br>(Quantity) | ĐVT<br>(Unit) | Đơn giá<br>(Unit Price) | Thành tiền (VND)<br>(Amount) |
|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------|------------------------|---------------|-------------------------|------------------------------|
| 10                                                     | 10005981<br>THU HẰNG Bắp bò muối gói 200g | 8938508668137        | 3                      | G1            | 87,787                  | 263,361                      |
| 20                                                     | 10005986<br>THU HẰNG Gà muối gói 500g     | 8938508668212        | 6                      | G1            | 111,058                 | 666,348                      |
| 30                                                     | 10182348<br>Ngọc Thơm_Giò lụa 250g        | 8938529045177        | 3                      | G1            | 59,400                  | 178,200                      |
| <b>Tổng giá trị trước thuế (Total excl VAT amount)</b> |                                           |                      |                        |               |                         | <b>1,107,909</b>             |
| <b>- 5% (VAT)</b>                                      |                                           |                      |                        |               |                         | <b>0</b>                     |
| <b>- 8% (VAT)</b>                                      |                                           |                      |                        |               |                         | <b>88,632.72</b>             |
| <b>- 10% (VAT)</b>                                     |                                           |                      |                        |               |                         | <b>0</b>                     |
| <b>- 15% (VAT)</b>                                     |                                           |                      |                        |               |                         | <b>0</b>                     |
| <b>Thuế GTGT (VAT Amount)</b>                          |                                           |                      |                        |               |                         | <b>88,632.72</b>             |
| <b>Tổng giá trị đơn hàng (Total amount)</b>            |                                           |                      |                        |               |                         | <b>1,196,541.72</b>          |

Người lập đơn hàng  
(Created By)

Quản lý ngành hàng  
(Department Manager)

Quản lý siêu thị  
(Store Manager)

Giám đốc cấp 2  
(Regional Director)

## Nhà cung cấp lưu ý:

- Giá mua trên đơn đặt hàng là giá mua chính thức, nếu có chênh lệch so với báo giá thì báo lại nhân viên đặt hàng để điều chỉnh giá trước khi giao hàng.
- Vui lòng điền số đơn đặt hàng và mã nhà cung cấp vào hóa đơn và phiếu giao hàng.